

# TỔNG QUAN NHỮNG NGHIÊN CỨU ĐA NGÀNH VỀ LỄ HỘI: ĐỀ XUẤT HƯỚNG TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ

Ngày nhận bài: 16/06/2014  
Ngày nhận lại: 16/07/2014  
Ngày duyệt đăng: 18/08/2014

*Phạm Thanh Thôi<sup>1</sup>*

## TÓM TẮT

*Lễ hội (festival) đã diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cộng đồng xã hội, trong bối cảnh xã hội nông nghiệp và công nghiệp, ở nông thôn và đô thị. Lễ hội đã trở thành chủ đề thu hút các nhà nghiên cứu tại nhiều trường đại học, viện nghiên cứu quan tâm. Mục tiêu của bài viết là tổng quan những phạm vi nghiên cứu đa ngành về lễ hội qua các tác động của lễ hội trong bối cảnh xã hội hiện đại. Kết luận bài viết là đề xuất phương pháp tiếp cận nghiên cứu liên ngành về lễ hội trong bối cảnh đô thị đương đại.*

**Từ khóa:** *Nghiên cứu lễ hội, nghi lễ, chuyển đổi xã hội, du lịch sự kiện.*

## ABSTRACT

*Festival is a social phenomenon common to both agrarian and industrial communities in urban as well as in rural contexts. Festival has become a popular theme that attracts attention from researchers in many different universities and institutes. The purpose of this paper is to provide an overview of the multidisciplinary research areas related to the impact of festival in a modern society. The paper concludes with a suggested multidisciplinary approach to festival in the contemporary urban setting.*

**Keyword:** *Festival studies, ritual, social change, events tourism.*

## 1. Giới thiệu

Từ rất sớm, trong các nền văn hóa “nguyên thủy”, các nhà nhân học đã coi lễ hội hay các lễ kỷ niệm mang tính cộng đồng thuộc phạm trù văn hóa. Tùy cấp độ quan sát, các nghiên cứu nhân học đã mô tả, truy tìm nguồn gốc, chức năng (Durkheim, [1915] 1976; Van Gennep (1909), Victor Turner, 1969, 1974; Gluckman, 1963) hay các ý nghĩa (và ý nghĩa biểu tượng) của lễ hội (Geertz, 1973). Qua các nghiên cứu này, những lễ hội cộng đồng đã phản ánh đặc trưng văn hóa tộc người, được gìn giữ theo luật tục của mỗi tộc người, mang tính thiêng và tính phạm (trần tục), diễn ra trong phạm vi không gian và thời gian (có tính

chu kỳ, mùa vụ hoặc huyền thoại). Theo đó, các nghiên cứu lễ hội dần về sau cũng góp phần lột tả đầy đủ và đa dạng hơn các vẻ đẹp của mỗi cộng đồng người, phân tích sâu sắc các giá trị, ý niệm và biểu tượng, ý thức hệ và bản sắc, tính kế tục giữa truyền thống và hiện đại... trong từng lễ hội mà họ nghiên cứu (Victor Turner (1982, 1983a/b, 1988), Hosbawn (1983), Abrahams (1982, 1987), Falassi (1987), và Manning (1983), v.v

Lễ hội đã luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong tất cả các nền văn hóa của các tộc người và ở phạm vi quốc gia. Lễ hội luôn luôn có một chủ đề, và nó thể hiện rất đa dạng qua các chương trình, thể hiện cùng một lúc nhiều tri

<sup>1</sup> ThS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM. Email:thoiphamthanh@gmail.com

thức, ý niệm, kinh nghiệm, hành vi và cảm xúc của đa dạng các thành phần dân cư, luôn dẫn đến những kết quả xã hội bất ngờ. Có lẽ với bất cứ lễ hội nào, truyền thống vẫn được sáng lập, ý niệm “quá khứ” vẫn ít nhiều được hiện hữu trong những con người làm nên lễ hội. Và qua từng lễ hội, cũng sẽ có rất nhiều giá trị và ý nghĩa mới được tạo ra thông qua việc kết nối giữa các kinh nghiệm cá nhân, với các nhóm xã hội, đặc biệt mạnh mẽ khi sự kết nối đó được diễn ra trong bối cảnh phát triển ở xã hội đô thị, phức hợp, hiện đại và toàn cầu hóa.

Trong xã hội đô thị/hiện đại, thực tế các lễ hội được xây dựng và quản lý để đáp ứng cho nhiều mục tiêu (Getz, 2010). Theo đó, cấu trúc, chức năng và ý nghĩa của mỗi lễ hội thường không theo một cấu trúc ổn định, lâu dài như nhiều lễ hội được quan sát trong các nền văn hóa “nguyên thủy”, nông nghiệp.

Trước năm 1980, số lượng bài báo được đăng tải trên tạp chí khoa học (quốc tế) viết về lễ hội (festival) trong bối cảnh xã hội đô thị là không nhiều. Nội dung các bài báo liên quan đến “festival” ở đô thị cũng phần nhiều tập trung đến những vấn đề quản lý sự kiện lễ hội, các tác động kinh tế, du lịch và chính sách. Những nghiên cứu này thường quan sát các lễ hội văn hóa (lễ kỷ niệm) có tính vùng miền và quốc gia, các sự kiện thể thao tại các đô thị lớn, trong đó phần cấu trúc, chức năng, vai trò, ý nghĩa biểu tượng cũng như các tác động của lễ hội không được các học giả cố ý quan sát và phân tích đa chiều [xem thêm các công trình của Butler và Smale (1991), Robinson và Noel (1991), Getz (1991)].

Gần đây, trong các nghiên cứu sự kiện (event) ở đô thị nói chung, nghiên cứu lễ hội (festival) đã nổi lên như một lĩnh vực tiêu biểu. Xu hướng và các chủ đề nghiên cứu lễ hội ở các đô thị đã dần rõ nét. Các khía cạnh của lễ hội ở nhiều thành phố lớn được các học giả đa ngành quan tâm như mô hình và không gian, kế hoạch và quản lý, thời gian và tổ chức, du khách tham gia, kinh nghiệm và ý nghĩa, âm nhạc và biểu tượng, vai trò và các tác động, v.v. Theo đó, cấu trúc cốt lõi về nội dung của các nghiên cứu lễ hội là nhằm tạo ra kiến thức và cung cấp một sự hiểu biết mới về các sự kiện lễ hội [xem thêm các công trình của Getz

(2000; 2008), Harris, Jago, Allen, Huyskens (2001), Hede, Jago, và Deery (2003), Sherwood (2007).

Ở nhiều quốc gia, lễ hội (festival) ở đô thị cũng đang trở thành một chủ đề nghiên cứu của các nhà nhân học, xã hội học, kinh tế, du lịch và môi trường. Sở dĩ, lễ hội có sức thu hút sự quan tâm đặc biệt của các học giả đa ngành, là vì các quá trình hiện đại hóa, nghi lễ hóa cũng như các tác động xã hội của lễ hội. Trong bối cảnh đô thị, lễ hội cũng trở nên gắn bó và trở thành một phần thiết yếu trong hoạt động kinh tế và cuộc sống hằng ngày/tinh thần của đa số cư dân.

## 2. Tổng quan nghiên cứu lễ hội trong bối cảnh đô thị kể từ sau 1980

Từ sau năm 1980 đến nay, số lượng các bài viết liên quan đến lễ hội (festival) và sự kiện (event) được xuất bản và đã được trích dẫn có tăng nhanh, đặc biệt tăng nhanh kể từ sau năm 2000 (Getz, 2010, p.3). Trước hết, như đã trình bày, nội dung về chức năng và ý nghĩa, cùng các tác động của những lễ hội trong các nền văn hóa, xã hội, chính là nội dung được các học giả ngành nhân học, xã hội học thảo luận sớm nhất, có hệ thống nhất trong các nghiên cứu về lễ hội nói chung.

Đáng chú ý, với các lễ hội diễn ra trong bối cảnh xã hội hiện đại, ngày càng có nhiều học giả ngoài ngành nhân học/xã hội học tiến hành nghiên cứu. Một số nghiên cứu đã chú ý kết nối một số các chiều kích của lễ hội như giá trị, truyền thống, bản sắc văn hóa, kinh tế, thị trường, du lịch. Những lĩnh vực trong lễ hội cũng thu hút sự quan tâm nghiên cứu như: kiến tạo vốn xã hội và văn hóa thông qua lễ hội; bồi dưỡng nghệ thuật và bảo tồn truyền thống; chuyển đổi xã hội và đời sống hằng ngày của cá nhân thông qua sự kiện lễ hội, bao gồm cả việc học tập, lĩnh hội các tập quán văn hóa và xã hội, v.v Các công trình của Getz (2000; 2008), của Harris, Jago, Allen, Huyskens (2001), của Hede, Jago, Deery (2003), Cavalcanti (2001), của Long và Robinson (2004), của Picard và Robinson (2006), của Sherwood (2007) đã trình bày khá rõ.

Có thể nói, trong bối cảnh đô thị, lễ hội

với xã hội và văn hóa trở thành lĩnh vực quan trọng thứ hai được chú ý trong các nghiên cứu về lễ hội. Thực tế đã có nhiều hơn các nghiên cứu (đã xuất bản) đã dành sự quan tâm đặc biệt đến các khía cạnh kinh tế, tiếp thị và du lịch của lễ hội ở đô thị. Gần đây, từ thực tiễn phát triển của lễ hội và những vấn đề nảy sinh, nên các nghiên cứu về tác động xã hội và văn hóa của lễ hội cũng được gia tăng, nhằm tìm kiếm một sự cân bằng trong nhận thức về lễ hội. Theo đó, các nghiên cứu lễ hội trong bối cảnh đô thị mới quan tâm và có những kết thừa “về tri thức” từ các cách tiếp cận nhân học/xã hội học một cách rõ ràng hơn. Công trình của Ritchie (1984), đã cho thấy việc cần thiết phải tiếp cận có hệ thống các lý thuyết nhân học văn hóa-xã hội để nghiên cứu toàn diện các tác động của của lễ hội trong xã hội hiện đại/đô thị. Các công trình của Delamere (2001); Delamere, Wankel và Hinch (2001) đã xem xét thái độ của cư dân khi tham gia lễ hội như là các chỉ báo của tác động xã hội. Fredline và Faulkner (1998, 2002 a/b), Xiao và Smith (2004) cũng đã nghiên cứu nhận thức của người dân về các tác động của lễ hội. Fredline, Jago và Deery (2003), Small (2007), Arcodia và Whitford (2006) đều xem xét mối liên hệ giữa tham dự lễ hội và các tác động xã hội, tác động đến việc tạo ra vốn xã hội ở phạm vi cá nhân và cộng đồng.

Lễ hội trong các tác động kinh tế và du lịch, chủ đề này chiếm ưu thế nhất trong các diễn ngôn và các bài báo được xuất bản liên quan đến lễ hội. Burns, Hatch và Mules (1986) đã tiến hành các nghiên cứu chuyên đề về những tác động của lễ hội, bao gồm các tính toán liên quan đến thu nhập và các đánh giá kinh tế. Về các phương pháp đánh giá các tác động kinh tế từ lễ hội có các bài báo của Dwyer (2001), Burgan và Mules (2001), Dwyer, Forsyth, và Spurr (2006). Nghiên cứu của Brannas và Nordstrom (2006) đã sử dụng các mô hình kinh tế để xác định mức độ gia tăng dịch vụ (khách sạn) có nguyên nhân từ các lễ hội. Năm 2007, nghiên cứu của Boo, Ko và Blazey (2007) đã phân tích nhu cầu của du khách đến với lễ hội chịu ảnh hưởng từ các chi phí.

Những yếu tố năng động trong lễ hội đều

được thay đổi theo thời gian và có một ảnh hưởng quan trọng đến quản lý lễ hội và du lịch lễ hội. Các công trình của Quinn (2006) và Richards (2007) đã nghiên cứu xu hướng thương mại hóa lễ hội, kết nối du lịch sự kiện, tiêu dùng, thông qua việc khai thác tính hiệu quả của truyền thông và của các chương trình quảng cáo, tiếp thị. Các nghiên cứu này, chủ yếu quan sát hành vi của người tiêu dùng và các cách thức tiếp thị để thu hút, tạo động lực để người dân tham gia lễ hội. Các nghiên cứu cũng quan sát đến mối quan hệ, liên kết giữa chất lượng lễ hội, sự hài lòng, và hành vi hay ý định trong tương lai của các du khách tham gia, lẫn các nhà đầu tư, tài trợ.

Từ quá trình hiện đại hóa lễ hội vượt ra khỏi phạm vi quản lý của “cộng đồng chủ”, những tác động tiêu cực các lễ hội (đặc biệt du lịch lễ hội/sự kiện) đến môi trường sinh thái và nhân văn, cũng được chú ý trong các quan sát và phân tích của các học giả trong và ngoài phạm vi ngành nhân học. Từ những vấn đề như tăng cường tính hiệu quả của các tác động văn hóa, xã hội, kinh tế của lễ hội, tìm giải pháp để hạn chế các tác động tiêu cực của lễ hội, những thảo luận về vấn đề quản lý lễ hội trở thành chủ đề được quan tâm thường xuyên hơn. Nội dung tập trung vào quản lý sự kiện và lễ hội bao gồm nguồn nhân lực, rủi ro, hậu cần, và tiếp thị. Lĩnh vực này có các công trình của Goldblatt, (1990); Getz, (1991); Hall (1992), Hall và Sharples (2008).

Tuy vậy, nhìn chung các nghiên cứu về lễ hội trong bối cảnh đô thị vẫn thường chưa gắn kết và so sánh với các tài liệu học thuật, những quan điểm lý thuyết được cung cấp bởi các nghiên cứu nhân học hay xã hội học về lễ hội trong các nền văn hóa. Theo đó, đáng lẽ, các nhà nghiên cứu này phải điểm luận các quan điểm lý thuyết và các ví dụ trong hệ thống các tri thức của ngành xã hội học và nhân học, để phân tích so sánh và tiếp tục tạo ra những tri thức mới.

Thực tế, nghiên cứu quản lý lễ hội bị chi phối bởi khái niệm và phương pháp quản lý chung chung, bao gồm chức năng của quản lý, tiếp thị. Lễ hội chưa được quan sát, nghiên cứu sâu sắc trong bối cảnh phát triển địa phương, toàn cầu hóa, phát triển bền vững, trách nhiệm

xã hội của doanh nghiệp, v.v. Do vậy, nhu cầu kết nối các tri thức trong các nghiên cứu lễ hội kinh điển trong nhân học, xã hội học với những khía cạnh mới trong bối cảnh phát triển đương đại, để nhận diện sâu rộng hơn những ý nghĩa và tác động của lễ hội trong xã hội phức hợp, đa/xuyên văn hóa ở cộng đồng đô thị trở nên cấp thiết.

### 3. Phạm vi nghiên cứu lễ hội qua các tác động chuyển đổi xã hội của lễ hội

Phân loại một cách tổng quát từ các nghiên cứu liên quan đến lễ hội giúp chúng ta nhận diện được rõ ràng hơn đối tượng, phạm vi, những cách tiếp cận, những lĩnh vực và những khoảng trống để có thể tiếp tục nghiên cứu và thảo luận về lễ hội trong bối cảnh phát triển đô thị, hiện đại, thị trường và toàn cầu hóa.

#### *Ý nghĩa chính trị và chuyển đổi xã hội*

Quan điểm kinh điển của các nhà chức năng luận, (như van Gennep, Durkheim, Falassi, v.v) và cấu trúc luận (như Turner) và biểu tượng luận (như Gluckman), thì những lễ hội (festivals) và nghi lễ (rituals) ràng buộc con người với nhau trong cộng đồng và trong nền văn hóa. Lễ hội như thứ có sẵn, khuôn mẫu và ổn định. Các ý nghĩa biểu tượng của lễ hội luôn có chức năng trong việc xây dựng, biểu hiện và duy trì nhận thức của cá nhân trong cộng đồng, là thế giới quan của họ. Không hoàn toàn ủng hộ quan điểm đó, bài viết của Lavenda (1980), Hosbawn ([1983], Bankston và Henry (2000) thảo luận nhiều về khái niệm “truyền thống được sáng lập” (invented traditions). Theo đó, mỗi lễ hội là một sáng tạo của con người (cá nhân, cộng đồng) nên cũng sẽ có quá trình hình thành và có những động thái riêng. Jackson (1988, 1992), Waterman (1998, 2004) đã lưu tâm đặc biệt đến tính chính trị trong các lễ hội văn hóa, đến vấn đề nghệ thuật trong lễ hội bị tác động bởi tầng lớp tinh hoa, có quyền lực. Gotham (2005) cũng làm nổi bật các xung đột về ý nghĩa cũng như những bất hợp lý diễn ra trong các nền văn hóa địa phương.

Từ góc độ chính trị, các chủ đề ưa thích bao gồm các vấn đề xây dựng chính sách, chính sách văn hóa và quỹ đầu tư của chính

phủ (chính sách công) về các lễ hội và sự kiện đã được quan tâm. Các nghiên cứu của Tomljenovic & Weber, (2004); Felenstein & Fleischer, (2003); Getz & Frisby, (1991), Hall & Rusher, (2004); Getz, (2007), Burke (2007) là những nghiên cứu điển hình. Gần đây, nghiên cứu của Foley, McPherson và Matheson (2006), đã đánh giá chính sách lễ hội từ quan điểm của toàn cầu hóa và của Wah (2004) đã xem xét các lễ hội truyền thống bị ảnh hưởng bởi cấp chính sách vĩ mô (chính phủ).

#### *- Địa điểm, tính cộng đồng và bản sắc văn hóa*

Lễ hội được kết nối với các nền văn hóa và địa điểm, gắn với mỗi bản sắc và giúp gắn kết các cá nhân trong một cộng đồng. Tương tự như vậy, lễ hội và thiết kế các sự kiện khác trong không gian đô thị có thể là giải pháp nuôi dưỡng và củng cố bản sắc nhóm. De Bres và Davis (2001) và Derrett (2003) đều cho rằng, lễ hội đem đến những mặt tích cực để mỗi cộng đồng địa phương thể hiện các bản sắc, sự đoàn kết và tạo nên ý thức chung. Elias Vavotsis (2006) xem xét các tác động của các lễ hội về bản sắc văn hoá của không gian. Costa (2002) mô tả "tính xã hội lễ hội" như là trung tâm của việc truyền tải truyền thống. Hannam và Halewood (2006) cho rằng chính lễ hội đã tạo cho người tham gia ý thức về bản sắc và phản ánh một cách chân thực về cuộc sống.

#### *- Tính chân thực, hình ảnh và thương mại hóa*

Từ quan điểm nhân học, trong nghiên cứu lễ hội của mình Greenwood (1989) bất bình với hàng loạt những vấn đề ảnh hưởng tiêu cực của du lịch đối với các lễ hội văn hóa. Tính chân thực của các sự kiện, tác động xã hội-văn hóa của lễ hội, và tác động của du lịch, thương mại hóa đối với các lễ hội, là những chủ đề được quan tâm lâu dài. Năm 1977, Buck đã quan tâm đến mối quan hệ giữa lễ hội, du lịch và vấn đề bảo vệ các nhóm văn hóa dễ bị tổn thương. Erik Cohen (1988) đề cập đến quá trình thương mại hóa lễ hội trong bối cảnh du lịch, và liệu khách du lịch có thể nhận được những trải nghiệm chân thực. Ông cho rằng

tính chân thực cũng phụ thuộc vào sự mong muốn của du khách. Các nghiên cứu khác của Hinch và Delamere (1993), Neuenfeldt (1995), Xie (2003), Chhabra, Healy và Sills (2003), Chhabra (2005), Pettersson và Müller (2006), v.v đều liên quan đến chủ đề này.

Lễ hội đang được sử dụng như một công cụ để tạo nên những hình ảnh hoặc thay đổi những hình ảnh về một điểm đến. Huyền thoại và các biểu tượng được gắn chặt vào trong các lễ hội truyền thống. Ở xã hội hiện đại, đôi khi cũng cần thiết và mong muốn có thể tạo nên huyền thoại hoặc biểu tượng chính trị, tôn giáo hay các ý nghĩa khác. Trong nghiên cứu của Manning (1978) đã kết luận rằng, những biểu tượng đã được tạo nên trong sự ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc và sự thương mại hóa, chính là một điểm thu hút khách du lịch.

Gần đây, nghiên cứu của Quinn (2003) cũng phân tích thực hành mang tính biểu tượng và ý nghĩa gắn liền với lễ hội, bao gồm cả việc tạo ra huyền thoại. Các nghiên cứu của Harcup (2000), Foley và McPherson (2004), Li và Vogelsson (2005) Mossberg và Getz (2006), Boo và Busser (2006) là những phân tích sâu sắc về mối quan hệ của các hình ảnh (phong cảnh, cảnh trí) được xây dựng trong lễ hội với các chiến lược xây dựng thương hiệu, tiếp thị của các nhà kinh doanh. Các nghiên cứu đã phân tích những hình ảnh của lễ hội đã tạo nên các hiệu ứng, kích thích thị giác, làm biến dạng các hoạt động văn hóa của cộng đồng địa phương rất mạnh mẽ. Năm 2008, Knox tiếp tục nghiên cứu các quá trình của các giá trị truyền thống được sáng lập trong các lễ hội ở đô thị, thảo luận sâu sắc thêm vấn đề về tính xác thực của hình ảnh được tạo dựng trong lễ hội.

Boorstin (1961), một sử gia, đầu tiên chú ý đến hiện tượng những “sự kiện giả” được tạo ra công khai và với mục đích chính trị, là nghiên cứu có hữu ích đến ngày nay. Theo đó, các nhà nghiên cứu sau này đã xem xét các lễ hội trong một bối cảnh thời gian (temporal context) hơn là đối với vị trí của chúng trong lịch sử. Chu kỳ cuộc sống hoặc quá trình tiến hóa của lễ hội như một cấu trúc lý thuyết đã được nâng lên qua thời gian, thể hiện trong các tài liệu nghiên cứu của Frisby & Getz, (1989);

Walle, (1994). Công trình của Tikkanen (2008) đã xem xét sự quốc tế hóa của một lễ hội qua thời gian. Các học giả Driscoll (2008), Richards và Ryan (2004), v.v đều quan tâm đến sự phát triển của các lễ hội từ góc độ thời gian (lịch sử).

#### *- Đổi mới đô thị và môi trường*

Kết nối giữa lễ hội và phát triển hay đổi mới đô thị vẫn là lĩnh vực nghiên cứu còn rất mới. Số các công trình nghiên cứu về vai trò của các sự kiện lớn như thể vận hội (Olympics và World Cup) đến sự phát triển và tái thiết đời sống và quy hoạch của các đô thị tại các quốc gia có đảng cai tổ chức cũng chưa có nhiều. Công trình của Mules (1993), Hughes (1999) đã nhìn lễ hội như một phần của chiến lược đổi mới đô thị và xây dựng hình ảnh đô thị. Gabr (2004), Che (2008) đã xem xét ảnh hưởng của lễ hội đến việc thúc đẩy những hình thức, thái độ mua sắm, tiêu dùng của du khách.

Mối quan hệ và tác động qua lại giữa lễ hội và môi trường cũng chưa có được nhiều công trình xuất bản. Số lượng ít ỏi các bài viết về lễ hội ở đô thị tác động đến môi trường, và phần lớn trong số này là mô tả về một sự khủng hoảng môi trường sinh thái do lễ hội tạo ra. Công trình của Shirley và cộng sự (2006) đã trình bày về tác động môi trường của lễ hội. Một số học giả khác như Sherwood (2007) đã cho thấy, thay đổi hệ sinh thái và môi trường vật lý là hệ quả của lễ hội. Vấn đề tiêu thụ năng lượng và lượng khí thải, rác thải do du lịch sự kiện liên quan có xu hướng tăng. Vấn đề sử dụng vật liệu, nước và lãng phí nước, ô nhiễm không khí, tiếng ồn, v.v đang ảnh hưởng đến môi trường sống. Nhìn chung, các nghiên cứu này cảnh báo nhiều đến sự phát triển không bền vững của môi trường sinh thái do các lễ hội lớn tác động.

#### *- Cuộc sống cá nhân*

Tác động xã hội của lễ hội ở cấp độ cá nhân đang ngày càng được các nhà nghiên cứu lễ hội khám phá. Đây là một trong những lĩnh vực nghiên cứu quan trọng và rất thú vị, nó đang đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành. Lễ hội trong bối cảnh xã hội hiện đại phần nhiều đang được sử dụng để thực hiện một loạt các chính sách cho khu vực công (như là những

công cụ tiếp thị xã hội). Công trình của Gitelson và cộng sự (1995), đã đánh giá mục tiêu giáo dục đạt được tại một số lễ hội ở các trường đại học. Công trình của Gursoy và cộng sự (2006) đã phân tích những thái độ đến với lễ hội và phát hiện ra rằng thái độ thụ hưởng (hedonic) là quan trọng hơn thái độ vị lợi (utilitarian) trong việc giải thích động cơ tham dự lễ hội. Nghiên cứu này đã soi sáng bản chất về những gì du khách mong muốn có, khi họ rời khỏi một lễ hội. Sức khỏe và giữ gìn sức khỏe cá nhân cũng là một chủ đề trong các nghiên cứu lễ hội ở đô thị hiện nay. Các công trình của Christensen và Dowrick (1983), Lea (2006), đã nghiên cứu ảnh hưởng của lễ hội với tình trạng tự tử, sức khỏe tâm thần và chiến lược giữ gìn sức khỏe cá nhân. Đáng chú ý, công trình Tayler.C và cộng sự (2006) đã nghiên cứu cách thức một lễ hội có thể giúp xây dựng mối quan hệ tương tác giữa cha mẹ và con cái của họ, qua đó, làm giàu đời sống văn hóa và sức sáng tạo ở trẻ em.

#### **4. Những diễn ngôn chủ yếu của nghiên cứu lễ hội trong bối cảnh đô thị**

Có thể nói, từ những năm 1980 đến nay, có một sự thay đổi mạnh mẽ trong các diễn ngôn của nghiên cứu lễ hội, nhất là những lễ hội trong bối cảnh đô thị, hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Những đóng góp của các nghiên cứu về mặt khái niệm, lý thuyết, và phương pháp nghiên cứu là rất phong phú từ nhiều phân ngành khác nhau. Các nghiên cứu về lễ hội đã vượt ra khỏi các lĩnh vực, khía cạnh truyền thống và kinh điển theo cách tiếp cận của trường phái lý thuyết cấu trúc và chức năng trong nhân học, xã hội học. Những tác động đa chiều giữa lễ hội với chính trị, văn hóa truyền thống, bản sắc địa phương, toàn cầu hóa, môi trường sinh thái, kinh tế, du lịch, đời sống tinh thần, kiến tạo tri thức, v.v đã được nghiên cứu ở nhiều nơi và có những kết quả bất ngờ. Nghiên cứu lễ hội trong bối cảnh của sự kiện được thực hiện nhiều ở các thành phố lớn ở các nước phương Tây lẫn phương Đông, đã đưa ra những đánh giá về sự tác động của lễ hội đến đời sống và văn hóa của các cộng đồng ở cấp độ vi mô và vĩ mô, với màu sắc đa dạng. Vai trò lễ hội đã được nhiều học giả đánh giá với những quan điểm và cấp độ mới

để khẳng định ý nghĩa của nó trong xã hội và văn hóa, vượt qua những kinh nghiệm cá nhân.

Đến nay, đã hình thành nên ba nội dung diễn ngôn chính yếu bao gồm cả trong lý thuyết và ứng dụng thực tiễn, được rút kết từ các phạm vi nghiên cứu khác nhau của lễ hội. Theo đó, không ít khoảng trống tri thức trong từng nội dung diễn ngôn ấy cũng dễ dàng nhận thấy qua các nghiên cứu về lễ hội đã xuất bản.

*Thứ nhất*, qua các nghiên cứu kinh điển của các nghiên cứu của nhân học và xã hội học, đề cập sâu sắc đến chức năng, ý nghĩa và tác động của lễ hội trong xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu lễ hội ở đô thị đã có, nhưng những nghiên cứu dựa trên nền tảng các khái niệm và hướng tiếp cận, phương pháp nghiên cứu của nhân học, xã hội học còn lại rất ít. Những mô tả và phân tích về lễ hội thông qua cá nhân và nhóm, cần thiết phải tiếp cận đa ngành, đặc biệt phải kết nối các lý thuyết nhân học/xã hội học trong sự phân tích so sánh, nhưng thực tế chưa có nhiều bằng chứng trong số các tài liệu đã xuất bản thể hiện được.

*Thứ hai*, tiếp cận theo thuyết công cụ (instrumentalist), theo đó, lễ hội được xem là công cụ trong ngành du lịch và kinh tế phát triển, tiếp thị. Các nghiên cứu này cho thấy lễ hội được thương mại hóa một cách rõ ràng bởi du lịch. Các phân tích từ hướng tiếp cận này dựa trên các dữ liệu của phương pháp nghiên cứu định lượng, trong đó phương pháp tiếp cận hành vi người tiêu dùng ưu tiên áp dụng. Với cách tiếp cận này, thì sự hiểu biết về vai trò, ý nghĩa và các tác động của lễ hội thường không đầy đủ, bị lu mờ bởi các phân tích kinh tế và tác động cá nhân. Các nghiên cứu này thường bỏ qua việc xem xét những nền tảng nhu cầu cơ bản thúc đẩy việc tạo dựng các lễ hội từ góc độ xã hội và văn hóa. Hơn nữa, lễ hội đang ngày càng được sử dụng cho các mục đích chính sách khác, bao gồm để giúp đạt được các mục tiêu xã hội và văn hóa, trong đó đặt chúng như các công cụ tiếp thị xã hội.

Tuy nhiên, có thể nói rằng, phần nhiều những nghiên cứu này lại quá nhấn mạnh động cơ của người tiêu dùng và tác động kinh tế; phương pháp và khái niệm của nó cũng được phát triển, nhưng cần được thực hiện bằng

những nghiên cứu so sánh trong bối cảnh đa văn hóa. Các nghiên cứu này dù đã áp dụng mô hình nghiên cứu định lượng và các phương pháp tiếp cận hành vi người tiêu dùng là ưu tiên, nhưng phải chú ý kết nối với sự hiểu biết văn hóa và xã hội, đặc biệt cần phân tích là trong các nền văn hóa khác nhau và với các nhóm xã hội cụ thể.

*Thứ ba*, những diễn ngôn của các nghiên cứu lễ hội từ góc độ *quản lý sự kiện* (event management). Các nghiên cứu có nội dung tập trung vào các quá trình sản xuất và tiếp thị của lễ hội và quản lý tổ chức lễ hội. Phụ thuộc vào nhu cầu tri thức “thực dụng/ứng dụng”, các nghiên cứu này quan tâm quan sát trong phạm vi ngành du lịch, cho các mục đích tiếp thị, có rất ít bằng chứng cho thấy các nghiên cứu đã tiếp cận liên ngành, có kết nối với các tri thức kinh điển trong ngành xã hội học và nhân học. Các nghiên cứu chưa làm rõ được vai trò của các tri thức nhân học, lý thuyết nhân học ảnh hưởng như thế nào đến các nghiên cứu về quản lý sự kiện/ lễ hội.

Khoảng trống tri thức trong cách tiếp cận *quản lý sự kiện* chính là không kết hợp được cách tiếp cận công cụ của nghiên cứu du lịch lễ hội, và cũng không sử dụng các tri thức kinh điển nghiên cứu về con người và xã hội của nhân học và xã hội học. Bản chất của nghiên cứu lễ hội (festival) ở đô thị là trải nghiệm sự kiện và ý nghĩa gắn liền với nó. Lễ hội luôn có chủ đề và có nhiều ý nghĩa khác nhau, luôn phức tạp. Những ý nghĩa lễ hội tồn tại trong cá nhân, xã hội, văn hóa, ở những mức độ kinh tế khác nhau. Do đó, nhà quản lý sự kiện lễ hội

phải quan tâm đặc biệt đến tri thức đa ngành, đặc biệt từ phương pháp tiếp cận nghiên cứu liên ngành.

## 5. Kết luận

Đời sống ở đô thị luôn đổi mới bởi đô thị chính là điểm đến, điểm chia sẻ mạnh mẽ nhất của các cá nhân, nhóm người, là nơi đón nhận từ những “dòng chảy” liên tục của tri thức, ý tưởng, của vốn, của người, của đồ vật, v.v Thành phố là nơi để các nhà phê bình suy ngẫm, nơi trưng bày và triển lãm, là khu vực mua sắm, không gian công cộng, trung tâm hội nghị, quảng trường quốc gia, v.v Thông qua lễ hội, thành phố không phải “nút” các truyền thông, mà là nơi để truyền thông được sáng lập một cách phong phú và đa dạng. Đã có những lo ngại về bối cảnh phát triển của đô thị khiến truyền thông bị biến mất. Nhưng qua các nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ giữa không gian xã hội đô thị, lễ hội và bản sắc truyền thống là đa chiều và phức tạp. Cấu trúc, chức năng, ý nghĩa của lễ hội trong bối cảnh đô thị không thể được nhìn nhận một chiều, hay theo một phân ngành nào đó mà nhận diện rõ được. Lễ hội là của cộng đồng, nhưng đặc tính của cộng đồng xã hội (ở đô thị) cũng đã thay đổi liên tục, phản ánh qua nhận thức về khái niệm “cộng đồng” của các nhà nghiên cứu nhân học/xã hội học như của Park, Wirth, Redfield, Hannerz, Gans, Downey, Smith,... khi họ nghiên cứu đời sống xã hội ở đô thị. Do đó, nghiên cứu lễ hội trong bối cảnh đô thị đang cần thêm nữa những công trình được thực hiện với phương pháp tiếp cận nghiên cứu liên ngành.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abrahams, R.D. (1982). The language of festivals: Celebrating the economy. In V Turner, V(Ed.), Celebration: Studies in Festivity and Ritual (pp.161-177). Washington, DC: Smithsonian Institution Press.
2. Arcodia, C. & Whitford, M. (2006). “Festival attendance and the development of social capital”. *Convention and Event Tourism*, 8 (2), 1-18.
3. Bankston, C., & Henry, J. (2000). “Spectacles of ethnicity: Festivals and the commodification of ethnic culture among Louisiana Cajuns”. *Sociological Spectrum*, 20 (4), 377-407.

4. Boo, S., & Busser, J. (2006). "Impact analysis of a tourism festival on tourists' destination images". *Event Management*, 9 (4), 223-237.
5. Boo, S., Ko, D., & Blazey, M. (2007). "An explanation of the influence of prior visitor experience and residence on festival expenditures". *Event Management*, 10 (2/3), 123-133.
6. Boorstin, D. (1961). *The Image: A Guide to Pseudo-Events in America*. New York: Atheneum.
7. Brannas, K., & Nordstrom, J. (2006). "Tourist accommodation effects of festivals". *Tourism Economics*, 12 (2), 291-302.
8. Buck, R. (1977). "Making good business better: A second look at staged tourist attractions". *Journal of Travel Research*, 15 (3), 30-31.
9. Burgan, B., & Mules, T. (2001a). "Reconciling cost-benefit and economic impact assessment for event tourism". *Tourism Economics*, 7 (4), 321-330.
10. Burke, S. (2007). "The evolution of the cultural policy regime in the Anglophone Caribbean". *International Journal of Cultural Policy*, 13 (2), 169-184.
11. Burns, J., J. Hatch, & T. Mules (eds.) (1986). *The Adelaide Grand Prix: The Impact of a Special Event*. Adelaide: The Centre for South Australian Economic Studies.
12. Butler, R., & Smale, B. (1991). "Geographical perspectives on festivals in Ontario". *Journal of Applied Recreation Research*, 16 (1), 3-23.
13. Cavalcanti, M. (2001). "The Amazonian Ox Dance Festival: An anthropological account". *Cultural Analysis*, 2, 69-105.
14. Che, D. (2008). "Sports, music, entertainment and the destination branding of post-Fordist Detroit". *Tourism Recreation Research*, 33 (2), 195-206.
15. Chhabra D. (2005). "Defining authenticity and its determinants: Toward an authenticity flow model". *Journal of Travel Research*, 44 (1), 64 - 73.
16. Chhabra, D., Healy, R., & Sills, E. (2003). "Staged authenticity and heritage tourism". *Annals of Tourism Research*, 30 (3), 702-719.
17. Christensen & Dowrick (1983). "Myths of midwinter depression". *Alaska Med* 25, 53-54.
18. Cohen, E., (1988). "Authenticity and commodification in tourism". *Annals of Tourism Research*, 15 (3), 371-386.
19. Costa, X. (2002). "Festive traditions in modernity: The public sphere of the festival of the "Fallas" in Valencia (Spain)". *The Sociological Review*, 50 (4), 482-504.
20. De Bres, K., & Davis, J. (2001). "Celebrating group and place identity: A case study of a new regional festival". *Tourism Geographies*, 3 (3), 326-337.
21. Delamere, T. (2001). "Development of a scale to measure resident attitudes toward the social impacts of community festivals: Part 2: Verification of the scale". *Event Management*, 7 (1), 25-38.
22. Delamere, T., Wankel, L., & Hinch, T. (2001). "Development of a scale to measure resident attitudes toward the social impacts of community festivals: Part 1: Item generation and purification of the measure". *Event Management*, 7 (1), 11-24.
23. Derrett, R. (2003). "Making sense of how festivals demonstrate a community's sense of place". *Event Management*, 8 (1), 49-58.
24. Driscoll, P. (2008). "Provincial culture in transition". *Cultural and Social History*, 5 (1), 33-52.

25. Durkheim, E. (1976). *The Elementary Forms of the Religious Life*. London: George Allen and Unwin.
26. Dwyer, L., Agrusa, J., & Coats W. (2001). "Economic scale of a community event: The Lafayette Mardi Gras". *Pacific Tourism Review*, 5 (3/4), 167-179.
27. Dwyer, L., Forsyth, P., & Spurr, R. (2006). "Assessing the economic impacts of events: A computable general equilibrium approach". *Journal of Travel Research*, 45 (1), 59-66.
28. Elias-vavotsis, S. (2006). "Festivals and events - (Re)interpreting cultural identity". *Tourism review*, 61 (2), 24-29
29. Elias-Vavotsis, S. (2006). "Festivals and events - (Re)interpreting cultural identity". *Tourism Review*, 61 (2), 24-29.
30. Erik Cohen. (1988). "Authenticity and Commoditization in Tourism". *Annals of Tourism Research*, vol. 15, no. 3, 1988, pp. 371-386.
31. Falassi, A. (Ed.). (1987). *Time Out of Time: Essays on the Festival*. Albuquerque: University of New Mexico Press.
32. Faulkner, W., Fredline, E., Larson, M., & Tomljenovic, R. (1999). "A marketing analysis of Swedens Storsjorran musical festival". *Tourism Analysis*, 4 (4), 157-171.
33. Felenstein, D., & Fleischer, A. (2003). "The role of public assistance and visitor expenditure". *Journal of Travel Research*, 41 (4), 385-392.
34. Foley, M., & McPherson, G. (2004). "Edinburgh's Hogmanay: In the society of the spectacle". *Journal of Hospitality and Tourism*, 2 (2), 29-42.
35. Foley, M., McPherson, G., & Matheson, C. (2006). "Glocalisation and Singaporean festivals". *International Journal of Event Management Research*, 2 (1), 1-16.
36. Fredline, E., & Faulkner, B. (1998). "Resident reactions to a major tourist event: The Gold Coast Car Race". *Festival Management and Event Tourism*, 5(4), 185-201.
37. Fredline, E., & Faulkner, B. (2002a). "Residents' reaction to the staging of major motorsport events within their communities: A cluster analysis". *Event Management*, 7, 103-114.
38. Fredline, E., & Faulkner, B. (2002b). "Variations in residents' reactions to major motorsport events: Why residents perceive the impacts of events differently". *Event Management*, 7, 115-125.
39. Fredline, E., Jago, L., & Deery, M. (2003). "The development of a generic scale to measure the social impacts of events". *Event Management*, 8 (1), 23-37.
40. Frisby, W., & Getz, D. (1989). "Festival management: A case study perspective". *Journal of Travel Research*, 28 (1), 7-11.
41. Gabr, H. (2004). "Attitudes of residents and tourists towards the use of urban historic sites for festival events". *Event Management*, 8 (4), 231-242.
42. Geertz, Clifford. 1973. *The Interpretation of Culture*. New York: Basic Books
43. Getz, D, 2010, "The nature and scope of festival studies". *International Journal of Event Management Research*, Volume 5, Number 1, 2010
44. Getz, D. (1998). "Information sharing among festival managers". *Festival Management and Event Tourism*, 5 (1/2), 33-50.
45. Getz, D. (2001). "Festival places: A comparison of Europe and North America". *Tourism*, 49 (1), 3-18.
46. Getz, D., & Frisby, W. (1988). "Evaluating management effectiveness in community-run festivals". *Journal of Research*, 2 (3), 234-249.

47. Getz, D., & Frisby, W. (1991). "Developing a municipal policy for festivals and special events". *Recreation Canada*, 19 (4), 38–44.
48. Getz, D., O'Neil, M., & Carlsen, J. (2001). "Service quality evaluation at events through service mapping". *Journal of Travel Research*, 39 (4), 380-390.
49. Gitelson, R., Kerstetter, D., & Kiernan, N. (1995). "Evaluating the educational objectives of a short-term festival". *Festival Management and Event Tourism*, 3 (1), 9-14.
50. Gluckman, max, (1963). "Rituals of rebellion in southeast africa" in trong *Readings for a history of anthropological theory*, fourth edition, biên tập bởi Paul Erickson Và Liam Murphy, 2013.Toronto: University of toronto press, tr. 232-251.
51. Goldblatt, Joe J (1990). Special events: the art and science of celebration. *Van nostrand reinhold*, New York . ISBN 9780442226817.
52. Gotham, K. (2005). "Theorizing urban spectacles". *City*, 9 (2), 225-246.
53. Greenwood, D. (1989). Culture by the pound: An anthropological perspective on tourism as cultural commodification. In, V. Smith (Ed.), *Hosts and Guests: The Anthropology of Tourism*. University of Pennsylvania Press.
54. Gursoy, D., Spangenberg, E., & Rutherford, D. (2006). "The hedonic and utilitarian dimensions of attendees" attitudes toward festivals". *Journal of Hospitality and Tourism Research*, 30 (3), 279-294.
55. Hall, C. M., & Rusher, K, (2004). Risky lifestyles? Entrepreneurial characteristics of the New Zealand bed and breakfast sector, in *Small firms in tourism: International perspectives*, eds, R. Thomas, Elsevier, Amsterdam, pp. 83-97.
56. Hall, C.M. & Sharples, L. (Eds.) (2008). *Food and Wine Festivals and Events Around the World: Development, Management and Markets*. Butterworth Heinemann: Oxford.
57. Hall, M. (1992): *Hallmark Tourist Events: Impacts, Management and Planning*. London: Belhaven.
58. Hannam, K., & Halewood, C. (2006). "European Viking themed festivals: An expression of identity". *Journal of Heritage Tourism*, 1 (1), 17-31.
59. Harcup, T. (2000). "Re-imagining a post-industrial city: The Leeds St. Valentine's Fair as a civic spectacle". *City*, 4 (2), 215-231.
60. Harris, R., Jago, L., Allen, J., &Huyskens, M. (2001). "Towards an Australian event research agenda: First steps". *Event Management*, 6 (4), 213-221.
61. Hede, A., L. Jago, & M. Deery (2003). "An agenda for special event research: Lessons from the past and directions for the future". *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 10 (supplement), 1-14.
62. Hinch, T., & Delamere, A. (1993). "Native festivals as tourism attractions: A community challenge". *Journal of Applied Recreation Research*, 18 (2), 131-142.
63. Hosbawn, Eric. 1983. "Introduction: Inventing Tradition" in trong *The Invention of Tradition*, biên tập bởi Hosbawn và Ranger. Cambridge: Cambridge University Press
64. Hughes, C. (1999). "Urban revitalisation: The use of festive time strategies". *Leisure Studies*, 18 (2), 119-135.
65. Jackson, P. (1988). "Street life: The politics of Carnival". *Environment and Planning D: Society and Space*, 6 (2), 213 – 227.
66. Jackson, P. (1992). "The politics of the streets: A geography of Caribana". *Political Geography*, 11 (2), 130-151.

67. Kerstetter, D., & Gitelson, R. (1995). "Perceptions of sponsorship contributors to a regional arts festival". *Festival Management and Event Tourism*, 2 (3/4), 203–209.
68. Knox, D. (2008). "Spectacular tradition: Scottish folksong and authenticity". *Annals of Tourism Research*, 35 (1), 255-273.
69. Lavenda, R. (1980). "The festival of progress: The globalizing world-system and the transformation of the Caracas Carnival". *Journal of Popular Culture*, 14 (3), 465-75.
70. Lea, J. (2006). "Experiencing festival bodies: Connecting massage and wellness". *Tourism Recreation Research*, 31 (1), 57-66.
71. Li, X., & Vogelsong, H. (2005). "Comparing methods of measuring image change: A case study of a small-scale community festival". *Tourism Analysis*, 10 (4), 349-360
72. Long, P., & Robinson, M. (Eds.). (2004). *Festivals and Tourism: Marketing, Management and Evaluation*. Sunderland: Business Education Publishers
73. Manning, F. (1978). *Carnival in Antigua: An indigenous festival in a tourist economy*. *Anthropos*, 73, 191-204.
74. Manning, F. (Ed.) (1983). *The Celebration of Society: Perspectives on Contemporary Cultural Performance*. Bowling Green, OH: Bowling Green University Popular Press.
75. Mossberg, L., & Getz, D. (2006). "Stakeholder influences on the ownership and management of festival brands". *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 6 (4), 308-326.
76. Mules, T. (1993). "A special event as part of an urban renewal strategy". *Festival Management and Event Tourism*, 1 (2), 65–67.
77. Muller, D., & Petterssen, R. (2006). "Sami heritage at the winter festival in Jokkmokk, Sweden". *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 6 (1), 54-69.
78. Neuenfeldt, K. (1995). "The Kyana Corroboree: Cultural production of indigenous ethnogenesis". *Sociological Inquiry*, 65 (1), 21-46.
79. Pettersson R. & Müller D. (2006). "Sami heritage at the winter festival in Jokkmokk, Sweden". *In Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, vol. 6 no. 1, 54-69 p.
80. Picard, D., & Robinson, M. (Eds.). (2006). *Festivals, Tourism and Social Change: Remaking Worlds*. Clevedon: Channel View.
81. Quinn, B. (2003). "Symbols, practices and myth-making: Cultural perspectives on the Wexford Opera Festival". *Tourism Geographies*, 5 (3), 329-349.
82. Quinn, B. (2006). "Problematising festival tourism": Arts festivals and sustainable development in Ireland". *Journal of Sustainable Tourism*, 14 (3), 288-306.
83. Richards, G. (2007), "Culture and authenticity in a traditional event: The views of producers, residents, and visitors in Barcelona". *Event Management*, 11 (1/2), 33-44.
84. Richards, P., & Ryan, C. (2004). "The Aotearoa Traditional Maori Performing Arts Festival 1972-2000: A case study of cultural event maturation". *Journal of Tourism and Cultural Change*, 2 (2): 94-117.
85. Ritchie, B. (1984). "Assessing the impacts of hallmark events: Conceptual and research issues". *Journal of Travel Research*, 23 (1), 2-11.
86. Robinson, A. & Noel, J. (1991). "Research needs for festivals: A management perspective". *Journal of Applied Recreation Research*, 16 (1), 78-88.
87. Sherwood, P. (2007). *A Triple Bottom Line Evaluation of the Impact of Special Events: The Development of Indicators*. Unpublished Doctoral Dissertation, Victoria University, Melbourne.

88. Shirley, M., Armitage, V., Barden, T., Gough, M., Lurz, P., Oatway, D., South, A., & Rushton, S. (2006). "Assessing the impact of a music festival on the emergence behaviour of a breeding colony of Daubenton's bats (*Myotis daubentonii*)". *Journal of Zoology*, 254 (3), 367-373.
89. Small, K. (2007). "Social dimensions of community festivals: An application of factor analysis in the development of the social impact (SIP) scale". *Event Management*, 11 (1/2), 45-55.
90. Tayler, C., McArdle, F., Richer, S., Brennan, C., & Weier, K. (2006). "Learning partnerships with parents of young children: Studying the impact of a major Festival of Early Childhood in Australia". *European Early Childhood Education Research Journal*, 14 (2), 7-19.
91. Tikkanen, I. (2008). "Internationalization process of a music festival: Kuhmo Chamber Music festival". *Journal of Euromarketing*, 17 (2), 127-139.
92. Tomljenovic, R., & Weber, S. (2004). "Funding cultural events in Croatia: Tourism-related policy issues". *Event Management*, 9 (1/2), 51-59.
93. Turner, V. (1969). *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure*. New York: Aldine de Gruyter.
94. Turner, V. (1974). Liminal to liminoid, in play, flow and ritual: An essay in comparative symbology. In, E. Norbeck (Ed.), *The Anthropological Study of Human Play*. Rice University Studies, 60, (53-92).
95. Turner, V. (1983a). Carnival in Rio: Dionysian drama in an industrializing society. In, F. Manning, *The Celebration of Society: Perspectives on Contemporary Cultural Performance*, (pp. 103-124). Bowling Green: Bowling Green University Popular Press.
96. Turner, V. (1983b). The spirit of celebration. In, F. Manning, *The Celebration of Society: Perspectives on Contemporary Cultural Performance*, (pp. 187-191). Bowling Green: Bowling Green University Popular Press.
97. Turner, V. (Ed.). (1982). *Celebration: Studies in Festivity and Ritual*. Washington: Smithsonian Institution Press.
98. Van Gennep, A. (1909). *The Rites of Passage*. (1960 translation by M. Vizedom and G. Coffee). London: Routledge and Kegan Paul.
99. Wah, P. (2004). Refashioning festivals in republican Guangzhou. *Modern China*, 30, 199-227.
100. Walle, A. (1994). "The festival life cycle and tourism strategies: The case of the Cowboy Poetry Gathering". *Festival Management and Event Tourism*, 2, 85-94.
101. Waterman, S. (1998). Carnivals for elites? The cultural politics of arts festivals. *Progress in Human Geography*, 22 (1), 54-74.
102. Waterman, S. (2004). Place, culture and identity: Summer music in upper Galilee. *Transactions of the Institute of British Geographers*, 23 (2), 253-267.
103. Xiao, H., & Smith, S. (2004). Residents' perceptions of Kitchener-Waterloo Oktoberfest: An inductive analysis. *Event Management*, 8 (3), 161-175.
104. Xie, P. (2003). "The Bamboo-beating dance in Hainan, China. Authenticity and commodification". *Journal of Sustainable Tourism*, 11 (1), 5-16.